

Số: 22 /NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2014

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
(LẦN THỨ 22)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (Maritime Bank) đã được xác nhận đăng ký tại Công văn số 4067/NHNN-TTGSNH ngày 10-06-2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
- Theo Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 ngày 19-04-2014 của Maritime Bank;

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo số 1684/2014/BC-TGD ngày 03-04-2014 của Tổng Giám đốc về Kết quả hoạt động ngân hàng năm 2013 và kế hoạch hoạt động năm 2014.
- Điều 2.** Thông qua Báo cáo số 217/2014/BC-HĐQT ngày 03-04-2014 của Hội đồng Quản trị về Kết quả hoạt động ngân hàng năm 2013 và kế hoạch hoạt động năm 2014.
- Điều 3.** Thông qua Báo cáo số 12/BC-BKS ngày 28-03-2014 của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2013 và phương hướng hoạt động năm 2014.
- Điều 4.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2013 của Maritime Bank đã được kiểm toán với các chỉ tiêu chủ yếu như sau (làm tròn):

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2013 ¹	THỰC HIỆN (tỷ VND)	TỶ LỆ TH (%)
1	Tổng tài sản	115.000	107.115	93,14%
2	Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn	75.500	68.287	90,45%
3	Dư nợ tín dụng (bao gồm cho vay TCKT và cá nhân, cam kết bảo lãnh và đầu tư TPDN)	47.510	45.910	96,63%
4	Nợ xấu (nhóm 3-5)	<3%	2,71%	

¹ Một số chỉ tiêu kế hoạch đã được HĐQT thay mặt Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh so với Nghị quyết lần thứ 21 ngày 25/4/2013 để bảo đảm phù hợp với tình hình kinh tế và chính sách quản lý của Nhà nước.

5	Số điểm giao dịch mở mới	3	5	166,67%
6	Lợi nhuận trước trích lập dự phòng rủi ro trước thuế TNDN	883	881	99,77%
7	Lợi nhuận trước thuế thu nhập (bao gồm cả phần thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng)	413	401	97,09%
8	Tổng số lao động	4.200	3.536	84,19%
9	Quỹ lương CBNV (đơn giá tiền lương kế hoạch là 26% tổng thu nhập hoạt động)	731	529	72,37%
10	Thù lao và chi phí HĐQT, BKS	15	13	83,60%
11	Vốn điều lệ	8.000	8.000	100,00%
12	Tỉ lệ chia lợi tức cổ phần	0%	0%	100,00%

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2013 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định cụ thể việc phân phối các quỹ của Maritime Bank và các Công ty trực thuộc theo nội dung Tờ trình số 218/2014/TT-HĐQT ngày 03-04-2014 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Khoản mục	Diễn giải	Năm 2013
1	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế TNDN		401.236
2	Lợi nhuận riêng lẻ trước thuế TNDN (Maritime Bank và AMC)		406.291
3	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	Theo quy định của Luật Thuế TNDN	71.364
4	Lợi nhuận riêng lẻ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Maritime Bank và AMC)	Mục 2 - Mục 3	334.927
5	Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ	5%	16.994
6	Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	10%	33.987
7	Lợi nhuận để lại	Mục 4 - Mục 5 - Mục 6	283.947

(*) Các quỹ: Quỹ Thù lao HĐQT&BKS, Quỹ thưởng Quản lý Điều hành, Quỹ Khen thưởng, Quỹ Phúc lợi sử dụng tồn quỹ từ các năm trước để chi trả. Trường hợp thiếu sẽ ứng trước và sử dụng Quỹ được trích của năm tiếp theo để tất toán.

Điều 6. Thông qua chỉ tiêu kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2014 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị triển khai thực hiện bằng các giải pháp cụ thể, bao gồm cả việc điều chỉnh chỉ tiêu và ngân sách cho phù hợp với diễn biến thị trường, chính sách kinh tế vĩ mô và quy định của Pháp luật theo nội dung Tờ trình số 219/2014/TT-HĐQT ngày 03-04-2014 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2013	KẾ HOẠCH 2014	TỶ LỆ (%) so 2013
1	Tổng tài sản	107.115	111.920	104,5%
2	Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn	68.287	83.600	122,4%
3	Dư nợ tín dụng (bao gồm dư nợ cho vay TCKT và cá nhân, cam kết bảo lãnh và đầu tư trái phiếu doanh	45.910	51.700	112,6%

Handwritten signature and initials

	nghiệp)			
4	Nợ xấu (nhóm 3-5)	2,71%	<3%	
5	Số điểm giao dịch mở mới	5	32	640.0%
6	Lợi nhuận trước trích lập dự phòng rủi ro trước thuế TNDN	881	1.051	119,3%
7	Lợi nhuận trước thuế thu nhập (bao gồm cả phần thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng)	401	265	66,1%
8	Tổng số lao động (*)	3.536	4.270	120,8%
9	Quỹ lương CBNV (đơn giá tiền lương kế hoạch là 26% tổng thu nhập hoạt động)	529	696	131,6%
10	Thù lao và chi phí HĐQT, BKS	13	15	115.4%
11	Vốn điều lệ	8.000	8.000	100,0%
12	Tỉ lệ chia lợi tức cổ phần	0%	0%	

(*) Số lượng lao động bao gồm cả số lượng nhân viên thuê theo hợp đồng khung với công ty cung ứng nhân lực.

Điều 7 . Thông qua việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông (“MDB”) vào Maritime Bank cùng với dự thảo Đề án sáp nhập, Hợp đồng sáp nhập, Điều lệ Ngân hàng sau sáp nhập.

Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Maritime Bank chủ động phê duyệt, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Dự thảo Đề án sáp nhập, Hợp đồng sáp nhập, Điều lệ Ngân hàng sau sáp nhập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng để hoán đổi cổ phần và các tài liệu hồ sơ có liên quan khác theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Maritime Bank triển khai thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết, ký các văn bản và xử lý tất cả các vấn đề phát sinh có liên quan đến việc sáp nhập MDB vào Maritime Bank (bao gồm cả thủ tục sau khi thực hiện xong việc sáp nhập như sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động, đăng ký kinh doanh, đăng ký điều lệ; tăng vốn điều lệ v.v..) nhằm bảo đảm việc sáp nhập thành công đồng thời tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 8 . Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định việc bổ sung thêm các ngành nghề kinh doanh được phép thực hiện theo quy định của Pháp luật; ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện thủ tục thay đổi nội dung Giấy phép, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Điều lệ, các văn bản khác và thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan đến việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Điều 9 . Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định việc thành lập hoặc mua lại các công ty con, công ty liên kết để thực hiện các hoạt động kinh doanh được phép theo quy định của Pháp luật, bao gồm việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý tài sản bảo đảm, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.

Điều 10 . Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20%

trở lên so với Vốn điều lệ của Maritime Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

Điều 11 . Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định việc đầu tư, mua, bán tài sản của Maritime Bank có giá trị từ 20% trở lên so với Vốn điều lệ của Maritime Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh.

Điều 12 . Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các hợp đồng có giá trị trên 20% Vốn điều lệ của Maritime Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Maritime Bank với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, Cổ đông lớn của Maritime Bank; công ty con, công ty liên kết của Maritime Bank.

Điều 13 . Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trong thời gian giữa hai phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh theo nội dung Tờ trình số 221/2014/TT-HĐQT ngày 03-04-2014.

Điều 14 . Nghị quyết này đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên lần thứ 22 biểu quyết thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Chi nhánh NHNN TP. HN;
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- HĐQT, BKS;
- HĐĐH;
- website MSB;.
- Lưu VP.MSB.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ V**



TRẦN ANH TUẤN